**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020**

**Hà Nội, tháng 10 năm 2020**

# MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH | 1 - 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 7 - 22 |

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất tự lập của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| | |
|---|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Ngọc Khánh | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Quách Mạnh Hào | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Minh Chính | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Trọng Quỳnh | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị |
| Ông Sang Ho Jung | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị |

**Ban Điều hành**

| | |
|---|---|
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Thị Mỹ Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Mạnh Phú | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| **Họ và tên** | **Chức vụ** |
|---|---|
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

M.S.D.N:0105824156
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Nguyễn Ngọc Thủy**
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020*

*Đơn vị: VND*

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **896.611.051.068** | **836.482.056.405** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | | **274.000.935.447** | **530.223.506.719** |
| 1. Tiền | 111 | | 274.000.935.447 | 530.223.506.719 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| **II. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **538.224.167.688** | **246.198.827.628** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 34.178.807.580 | 18.883.788.243 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 124.856.649.771 | 79.325.578.138 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 2.300.000.000 | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 379.688.710.337 | 149.989.461.247 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (2.800.000.000) | (2.000.000.000) |
| **III. Hàng tồn kho** | **140** | | **17.567.264.000** | **20.723.581.408** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 17.567.264.000 | 20.723.581.408 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **IV. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **66.818.683.933** | **39.336.140.650** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 66.715.762.845 | 38.862.781.126 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 102.921.088 | 449.027.859 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 24.331.665 |
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **1.971.243.324.415** | **2.073.157.575.018** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **95.741.128.666** | **98.544.247.390** |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 95.741.128.666 | 98.544.247.390 |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **993.681.440.048** | **893.785.571.566** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 525.914.696.025 | 492.588.602.628 |
| *- Nguyên giá* | *222* | | *713.941.260.946* | 606.414.082.550 |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *223* | | *(188.026.564.921)* | (113.825.479.922) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 467.766.744.023 | 401.196.968.938 |
| *- Nguyên giá* | *228* | | *506.204.434.964* | *430.955.836.338* |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *229* | | *(38.437.690.941)* | *(29.758.867.400)* |
| **III. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **63.705.443.767** | **239.384.251.312** |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 63.705.443.767 | 239.384.251.312 |
| **IV. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | **15.224.000.000** | **15.584.000.000** |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 239.100.000 | 599.100.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (125.100.000) | (125.100.000) |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 15.110.000.000 | 15.110.000.000 |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **802.891.311.934** | **825.859.504.750** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 419.957.868.993 | 399.846.049.476 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | | 382.933.442.941 | 426.013.455.274 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)** | **270** | | **2.867.854.375.483** | **2.909.639.631.423** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020*

*Đơn vị: VND*

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|---|---|
| | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **2.021.843.662.743** | **1.974.071.216.653** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **1.757.918.600.067** | **1.690.932.332.119** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 120.425.875.074 | 96.913.654.655 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 331.329.696.247 | 504.083.533.089 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 94.354.147.030 | 62.736.639.453 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 104.447.350.361 | 106.343.494.592 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 180.495.432.838 | 70.674.922.726 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 293.389.182.540 | 321.281.361.036 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 80.261.242.939 | 130.988.195.092 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 553.215.673.038 | 397.910.531.476 |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **263.925.062.676** | **283.138.884.534** |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 2.765.295.000 | - |
| 3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 21.086.958.539 | 41.585.182.983 |
| 4. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 5.095.499.958 | - |
| 5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 234.977.309.179 | 238.090.136.398 |
| 6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | 3.463.565.153 |
| **D - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **846.010.712.740** | **935.568.414.770** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | | **846.010.712.740** | **935.568.414.770** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 815.897.350.000 | 815.897.350.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *815.897.350.000* | *815.897.350.000* |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | 65.976.720.000 |
| 3. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối | 421 | | (149.825.533.378) | (124.756.931.760) |
| *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *421a* | | *(124.756.931.761)* | *108.059.398.977* |
| *- LNST chưa phân phối năm nay* | *421b* | | *(25.068.601.617)* | *(232.816.330.737)* |
| 4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 179.938.896.118 | 178.451.276.530 |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)** | **440** | | **2.867.854.375.483** | **2.909.639.631.423** |

M.S.D.N:0105824156 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Ngọc Thủy** | **Nguyễn Mạnh Phú** | **Nguyễn Thị Hải** |
| **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | **Kế toán trưởng** | **Người lập** |

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**
Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/09/2020*

*Đơn vị: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Q3.2020 | Q3.2019 | Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2020 | Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **1** | | **601.279.533.343** | **490.974.199.758** | **1329912699424** | **1.119.067.231.379** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | | | | |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)** | **10** | | **601.279.533.343** | **490.974.199.758** | **1.329.912.699.424** | **1.119.067.231.379** |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 352.347.332.731 | 243.246.227.973 | 917.726.196.949 | 602.890.255.980 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)** | **20** | | **248.932.200.612** | **247.727.971.785** | **412.186.502.475** | **516.176.975.399** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 11.509.264.554 | 4.258.746.982 | 34.751.883.277 | 31.212.603.368 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 16.222.489.738 | 11.503.575.640 | 45.819.027.177 | 29.416.251.199 |
| *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *16.056.057.048* | *11.395.075.640* | *42.576.570.475* | *28.748.196.449* |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | | | | (984.833.535) |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 128.731.678.388 | 140.184.157.001 | 362.307.926.002 | 310.395.383.033 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 54.218.922.479 | 49.762.720.698 | 144.423.583.011 | 128.731.754.512 |
| **11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}** | **30** | | **61.268.374.561** | **50.536.265.428** | **(105.612.150.438)** | **77.861.356.488** |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 681.415.058 | 2.776.240.002 | 2.745.185.659 | 7.428.343.993 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 705.800.951 | 2.124.197.036 | 4.063.365.268 | 11.788.100.322 |
| **14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)** | **40** | | **(24.385.893)** | **652.042.966** | **(1.318.179.609)** | **(4.359.756.329)** |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | **61.243.988.668** | **51.188.308.394** | **(106.930.330.047)** | **73.501.600.159** |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 431.388.933 | 12.937.067.717 | 431.388.933 | 25.086.152.347 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | 175.048.905 | (2.027.098.662) |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)** | **60** | | **60.812.599.735** | **38.251.240.677** | **(107.536.767.885)** | **50.442.546.474** |

M.S.D.N:0105824156 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Ngọc Thủy** | **Nguyễn Mạnh Phú** | **Nguyễn Thị Hải** |
| **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | **Kế toán trưởng** | **Người lập** |

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

*Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/09/2020*

*Đơn vị: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2020 | Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***1*** | | ***(107.486.587.885)*** | ***73.501.600.159*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản*** | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 2 | | 120.042.879.053 | 78.234.166.896 |
| - Các khoản dự phòng | 3 | | 800.000.000 | |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | | 1.819.910.329 | (30.227.769.833) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | | 42.576.570.475 | 28.965.196.449 |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***8*** | | **57.752.771.972** | **150.473.193.671** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 9 | | (223.643.204.581) | (184.882.392.850) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 3.156.317.408 | (9.250.889.323) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 8.864.207.012 | 788.201.037.783 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (47.964.801.236) | (210.494.796.454) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (43.002.336.180) | (27.473.676.604) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (12.932.050.680) | (29.136.173.976) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | | *(2.158.684.581)* |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | **(257.769.096.285)** | **475.277.617.666** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (153.164.192.368) | (516.862.519.022) |
| 2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 4.052.464.000 | (15.000.000.000) |
| 3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (2.300.000.000) | 4.890.100.000 |
| 4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 180.000.000 | 8.997.425.275 |
| 5.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 585.939.038 | 12.488.117.753 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | **(150.645.789.330)** | **(505.486.875.994)** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 692.682.734.274 | 533.212.944.353 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (540.490.419.931) | (352.498.495.195) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | *(61.365.300.165)* |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | **152.192.314.343** | **119.349.148.993** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)** | **50** | | **(256.222.571.272)** | **89.139.890.665** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | | **530.223.506.719** | **479.116.207.042** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)** | **70** | | **274.000.935.447** | **568.256.097.707** |

M.S.D.N:0105824156 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Ngọc Thủy** | **Nguyễn Mạnh Phú** | **Nguyễn Thị Hải** |
| **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | **Kế toán trưởng** | **Người lập** |

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 11 ngày 10/06/2020 với vốn điều lệ của Công ty là 815.897.350.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2020, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 79,69%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 89,23%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 80%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo*

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*

*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

*c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Thời gian khấu hao (Số năm) |
|---|---|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 |

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGĐ ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

## 4. TIỀN

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 148.028.390.084 | 107.271.050.386 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 106.518.042.250 | 395.046.136.827 |
| Tiền gửi tại Công ty chứng khoán | 351.001.506 | 367.001.506 |
| Tiền đang chuyển | 19.103.501.607 | 27.539.318.000 |
| Các khoản tương đương tiền | - | - |
| **Cộng** | **274.000.935.447** | **530.223.506.719** |

## 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/09/2020 | 43.831 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Phải thu ngắn hạn của khách hàng*** | ***34.178.807.580*** | ***18.883.788.243*** |
| Công ty Cổ phần Đầu tư An toàn Safeinvest | 11.701.294.000 | 6.501.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Phải thu phụ huynh các học sinh | 1.612.129.942 | |
| Công ty CP Thiết bị Giáo dục Eschool | 9.073.537.200 | - |
| Các đối tượng khác | 7.791.846.438 | 8.382.788.243 |

## 6. PHẢI THU KHÁC

| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| ***a) Phải thu ngắn hạn khác*** | ***379.688.710.337*** | - | ***149.989.461.247*** | - |
| Ký cược, ký quỹ | 303.462.597.500 | - | 114.353.654.120 | - |
| *- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn* | 21.952.820.822 | - | *40.800.000.000* | - |
| *- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam* | 42.330.000.000 | - | *42.330.000.000* | - |
| *- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT* | - | - | *30.000.000.000* | - |
| *- Ông Nguyễn Ngọc Thủy* | 231.127.597.500 | - | - | - |
| *- Các khoản đặt cọc khác* | 8.052.179.178 | - | *1.223.654.120* | - |
| Tạm ứng | 24.752.013.217 | - | 12.765.753.807 | - |
| Phải thu khác | 51.474.099.620 | - | 22.870.053.320 | - |
| ***b) Phải thu dài hạn khác*** | ***95.741.128.666*** | - | ***98.544.247.390*** | - |
| Ký cược, ký quỹ | 95.741.128.666 | - | 98.544.247.390 | - |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | 26.957.227.771 | | | |
| - Công ty cổ phần Nam Hải | 2.100.000.000 | | | |
| - Kỹ quỹ, ký cược khác | 66.683.900.895 | | | |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo*

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Trả trước cho người bán ngắn hạn*** | ***124.856.649.771*** | ***79.325.578.138*** |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT | - | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở | 36.173.144.216 | 30.374.045.068 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN | 57.036.744.575 | 29.122.680.410 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Việt Quốc | 857.979.050 | - |
| Công ty Cổ phần Vicad Tư vấn Đầu tư và Thiết kế | 827.616.995 | |
| Công ty Cổ phần chứng khoán ngân hàng công thương Việt | 300.000.000 | |
| Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam | 105.000.000 | |
| Công ty TNHH Thương Mại Và PCCC Vạn Tường | 600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba | 100.000.000 | |
| Visang Education Inc | 4.677.912.462 | 4.677.912.462 |
| Công ty Cổ Phần Đào Tạo Nghệ Thuật Việt | 2.500.000.000 | |
| Các đối tượng khác | 21.678.252.473 | 15.150.940.198 |

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Phải thu về cho vay ngắn hạn*** | ***2.300.000.000*** | ***-*** |
| Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Ozen | 2.300.000.000 | |

## 9. HÀNG TỒN KHO

| | 30/09/2020 | | 1/1/2020 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.503.894.056 | - | | - |
| Công cụ, dụng cụ | 13.913.866.960 | - | 19.942.977.561 | - |
| Hàng hoá | 1.149.502.984 | - | 780.603.847 | - |
| **Cộng** | **17.567.264.000** | **-** | **20.723.581.408** | **-** |

## 10. NỢ XẤU

| | 30/09/2020 | | 1/1/2020 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí | 4.000.000.000 | 1.200.000.000 | 4.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| | **4.000.000.000** | **1.200.000.000** | **4.000.000.000** | **2.000.000.000** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo*

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***66.715.762.845*** | ***38.862.781.126*** |
| Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học | 19.340.715.891 | - |
| Chi phí thuê địa điểm kinh doanh | 23.218.938.801 | 22.725.414.525 |
| Chi phí bảo hiểm | 4.269.814.905 | 164.852.786 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 8.580.798.135 | 1.055.253.075 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 2.917.248.996 | 14.917.260.740 |
| Phí tư vấn tài chính | 290.000.000 | |
| Chi phí trả góp | 8.098.246.117 | |
| ***b) Dài hạn*** | ***419.957.868.993*** | ***399.846.049.476*** |
| Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader | 271.790.317.871 | 240.138.448.984 |
| Chương trình Leader in me | 92.348.426.675 | 107.360.555.434 |
| Chi phí mua bản quyền phần mềm | 299.400.386 | 106.544.426 |
| Chương trình Apax Online | 29.193.073.958 | |
| Chi phí thành lập doanh nghiệp | 5.367.288.592 | 6.289.669.248 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 9.571.018.083 | 23.359.675.159 |
| Chi phí thi công nội thất | 3.701.963.219 | 3.199.141.837 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 5.410.964.588 | 19.392.014.388 |
| Chi phí đầu tư tại các trường mầm non | 2.275.415.621 | |

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn*** | | |
| Dự án Apax Leaders | 46.389.277.742 | 182.710.611.286 |
| Phần mềm FSOFT | 1.677.996.364 | 2.516.994.546 |
| Dự án Apax Online | 838.998.182 | 24.034.776.941 |
| Dự án Chương trình giảng dạy Steam e Garten | - | 17.734.755.477 |
| Dự án khác | 6.414.669.922 | 12.387.113.062 |
| Chi phí xây dựng các điểm trường | 8.384.501.557 | - |
| **Cộng** | **63.705.443.767** | **239.384.251.312** |

## 13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | 30/09/2020 |
|---|---|
| | VND |
| **Tại ngày đầu kỳ** | **426.013.455.274** |
| Tăng trong kỳ | - |
| Phân bổ vào chi phí trong kỳ | (43.080.012.333) |
| **Tại ngày cuối kỳ** | **382.933.442.941** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 30/09/2020 | | | | 1/1/2020 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi sổ (i) | Giá trị hợp lý (v) | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi sổ (i) | Giá trị hợp lý (v) |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** | | | | | | | | |
| ***- Đầu tư vào đơn vị khác*** | ***239.100.000*** | ***(125.100.000)*** | ***114.000.000*** | | ***599.100.000*** | ***(125.100.000)*** | ***474.000.000*** | |
| *Cổ phiếu niêm yết* | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng X18 | 125.100.000 | (125.100.000) | - | - | 125.100.000 | (125.100.000) | - | - |
| *Cổ phiếu chưa niêm yết* | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần May Nam Định | - | - | - | | 360.000.000 | - | 360.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ | 114.000.000 | - | 114.000.000 | | 114.000.000 | - | 114.000.000 | |
| **b) Đầu tư vào trái phiếu** | ***15.110.000.000*** | **-** | ***15.110.000.000*** | | ***15.110.000.000*** | **-** | ***15.110.000.000*** | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (iv) | 15.110.000.000 | - | 15.110.000.000 | | 15.110.000.000 | - | 15.110.000.000 | |
| **Cộng** | **17.309.100.000** | **(125.100.000)** | **15.224.000.000** | | **17.669.100.000** | **(125.100.000)** | **15.584.000.000** | |

**b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/09/2020 như sau:**

| Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax | Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội | 48.769.384 | 79,69% | 79,69% | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu |
| Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten | Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội | 17.490.000 | 89,23% | 89,23% | Giáo dục mầm non |
| Công ty Cổ phần English Now Global | Quận Đống đa, Tp. Hà Nội | 4.000.000 | 80,00% | 80,00% | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu |
| Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia | Quận Đống đa, Tp. Hà Nội | 91.360 | 51,00% | 51,00% | Giáo dục tiểu học |

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/09/2020 | | 1/1/2020 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Các khoản phải trả người bán ngắn hạn*** | ***120.425.875.074*** | ***120.425.875.074*** | ***96.913.654.655*** | ***96.913.654.655*** |
| Công ty TNHH DV Bảo vệ ca Thăng Long | 13.669.083.578 | 13.669.083.578 | | |
| Chungdahm Learning, Inc | 5.634.070.000 | 5.634.070.000 | 5.132.250.000 | 5.132.250.000 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | - | - | 653.796.101 | 653.796.101 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng công trình TCT | 8.715.509.201 | 8.715.509.201 | 9.050.676.638 | 9.050.676.638 |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba | 5.200.684.632 | 5.200.684.632 | 5.200.684.632 | 5.200.684.632 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland | 1.395.223.200 | 1.395.223.200 | - | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm Phú Thiên Tân | 731.085.375 | 731.085.375 | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN | - | - | | |
| Công ty TNHH Thực Phẩm Hà Nội Xanh | 694.563.777 | 694.563.777 | | |
| Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội | - | - | - | - |
| Công ty TNHH KPMG | 1.384.748.200 | 1.384.748.200 | - | - |
| Ông Mạc Xuân Chiến | - | - | 7.500.000.000 | 7.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala | 1.302.917.400 | 1.302.917.400 | 1.302.917.400 | 1.302.917.400 |
| Các đối tượng khác | 81.697.989.711 | 81.697.989.711 | 68.073.329.884 | 68.073.329.884 |

## 16. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***80.261.242.939*** | ***130.988.195.092*** |
| Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ | 26.830.183.757 | 6.005.373.167 |
| Bảo hiểm y tế | 8.079.130.270 | |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 3.213.041.957 | |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 116.000.000 | 536.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | - | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 42.022.886.955 | 124.446.821.925 |
| *- Công ty cổ phần đầu tư và phân phối Egame* | 1.771.000.000 | - |
| *- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy* | 1.571.303.751 | *5.146.836.836* |
| *- Ông Nguyễn Ngọc Thủy* | 316.772.250 | *99.661.772.250* |
| *- Chungdahm Learning, Inc* | 5.877.107.550 | *5.877.107.550* |
| *- Công ty Cổ phần Nam Hải* | 2.100.000.000 | *700.000.000* |
| *- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)* | 589.041.135 | *589.041.135* |
| *- Ông Nguyễn Mạnh Phú* | - | *64.255.800* |
| *- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy* | 1.062.494.457 | *1.196.941.030* |
| *- Các đối tượng khác* | 28.735.167.812 | *11.210.867.324* |
| ***b) Dài hạn*** | ***5.095.499.958*** | ***-*** |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | | |
| Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ | | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 5.095.499.958 | |

## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu kỳ | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **a)Phải nộp** | **62.736.639.454** | **72.144.458.372** | **40.526.950.796** | **94.354.147.030** |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.368.307.043 | 431.388.933 | 12.932.050.680 | 18.867.645.296 |
| Thuế giá trị gia tăng | 460.884.695 | 3.691.545.286 | 778.409.247 | 3.374.020.734 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 29.750.135.961 | 63.501.595.527 | - 25.424.895.284 | 67.826.836.204 |
| Các thuế phí khác | 1.157.311.755 | - 4.519.928.626 | - 1.391.595.585 | 4.285.644.796 |

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 30/09/2020 | | 01/01/2020 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Vay ngắn hạn*** | **553.215.673.038** | **553.215.673.038** | **397.910.531.476** | **397.910.531.476** |
| Công ty Cổ phần Studynet | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered | 11.625.699.480 | 11.625.699.480 | 11.340.980.668 | 11.340.980.668 |
| Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân (1) | 480.956.158.073 | 480.956.158.073 | 308.604.425.146 | 308.604.425.146 |
| Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân (2) | 47.729.593.345 | 47.729.593.345 | 28.043.158.454 | 28.043.158.454 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 121.967.208 | 121.967.208 | 121.967.208 | 121.967.208 |
| Bà Trương Thị Tâm | 9.982.254.932 | 9.982.254.932 | 24.500.000.000 | 24.500.000.000 |
| Ông Lê Đình Đạo | - | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến | - | - | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân (3) | - | - | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Vũ Cẩm Lan Hương | - | - | 16.000.000.000 | 16.000.000.000 |
| ***Vay dài hạn*** | ***234.977.309.179*** | ***234.977.309.179*** | ***238.090.136.398*** | ***238.090.136.398*** |
| Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân (4) | 29.536.167.150 | 29.536.167.150 | 19.074.452.316 | 19.074.452.316 |
| Bà Vũ Cẩm Lan Hương | 16.000.000.000 | 16.000.000.000 | - | - |
| Công ty cổ phần công nghệ kĩ thuật Thiên Việt | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 20.327.894 | 20.327.894 | 111.803.300 | 111.803.300 |
| Ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân (5) | 76.983.368.249 | 76.983.368.249 | 103.382.419.907 | 103.382.419.907 |
| Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered | 8.018.908.044 | 8.018.908.044 | 12.266.459.264 | 12.266.459.264 |
| Trái phiếu phát hành | 103.418.537.842 | 103.418.537.842 | 103.255.001.611 | 103.255.001.611 |

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận, lỗ chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| **Số dư đầu kỳ** | **815.897.350.000** | **65.976.720.000** | **(124.756.931.761)** | **178.451.276.530** | **935.568.414.769** |
| Lãi/ lỗ trong kỳ | - | - | (91.045.321.617) | | (91.045.321.617) |
| Giảm khác | - | (65.976.720.000) | - | | (65.976.720.000) |
| Tăng khác | - | - | 65.976.720.000 | 1.487.619.588 | 67.464.339.588 |
| **Số dư cuối kỳ** | **815.897.350.000** | **-** | **(149.825.533.378)** | **179.938.896.118** | **846.010.712.740** |

### b) Chi tiết góp vốn

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | 543.899.990.000 | 543.899.990.000 |
| Các đối tượng khác | 271.997.360.000 | 271.997.360.000 |
| **Cộng** | **815.897.350.000** | **815.897.350.000** |

### c) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

| | 30/09/2020 | 1/1/2020 |
|---|---|---|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 81.589.735 | 81.589.735 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *81.589.735* | *81.589.735* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *81.589.735* | *81.589.735* |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

## 20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Q3.2020 | Q3.2019 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **601.279.533.343** | **243.246.227.973** |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 155.273.580 | 65.088.693 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 588.794.605.218 | 243.181.139.280 |
| - Doanh thu bán hàng thành phẩm | - | |
| - Doanh thu khác | 12.329.654.545 | |

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Q3.2020 | Q3.2019 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 155.273.580 | 65.088.693 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 352.192.059.151 | 243.181.139.280 |
| **Cộng** | **352.347.332.731** | **243.246.227.973** |

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Q3.2020 | Q3.2019 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 74.394.896 | 4.258.746.982 |
| Doanh thu tài chính khác | 11.434.869.658 | - |
| **Cộng** | **11.509.264.554** | **4.258.746.982** |

## 23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 30/09/2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

***Rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 30/09/2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Các giao dịch phát sinh trong kỳ**

| | |
|---|---|
| **Mua Hàng** | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | 6.551.158.332 |
| Chungdahm Learning, Inc | 14.256.250.000 |
| **Thu nhập khác** | |
| Công ty cổ phần Soya Garden | 1.402.107.267 |
| **Cổ tức đã chi trả** | |
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | 1.545.000.000 |
| Ông Nguyễn Mạnh Phú | 64.255.800 |

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/09/2020***

| | 30/09/2020<br>VND | 01/01/2020<br>VND |
|---|---|---|
| **Phải thu khách hàng** | | |
| Công ty cổ phần Soya Garden | 1.402.107.267 | - |
| **Trả trước cho người bán** | | |
| Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool | 113.654.860 | 113.654.860 |
| Công ty cổ phần Soya Garden | 750.538.884 | 550.538.884 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | 2.591.010.192 | - |
| **Cầm cố ký quỹ, ký cược** | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | - | 2.665.932.279 |
| **Phải thu khác** | | |
| Chungdahm Learning, Inc | 82.678.012 | 82.678.012 |
| Công ty Cổ phần Studynet | - | 191.636.250 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool | - | 1.084.762.820 |
| Nguyễn Ngọc Thủy | 264.595.040.413 | - |
| **Phải trả người bán** | | |
| Chungdahm Learning, Inc | 5.634.070.000 | 5.132.250.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | - | 279.652.000 |
| **Phải trả khác** | | |
| Chungdahm Learning, Inc | 5.877.107.550 | 5.877.107.550 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | 316.772.250 | 1.861.772.250 |
| **Vay và nợ thuê tài chính** | | |
| Công ty Cổ phần Studynet | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |

## 25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Q3/2019.

M.S.D.N:0105824156 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| **Nguyễn Ngọc Thủy** | **Nguyễn Mạnh Phú** | **Nguyễn Thị Hải** |
| **Chủ tịch Hội đồng quản trị** | **Kế toán trưởng** | **Người lập** |

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020*